

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **28** /2026/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **01** tháng **4** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và thực hiện
Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Lắk**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

Căn cứ Nghị định số 28/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010;

Căn cứ Quyết định số 30/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế xây dựng, quản lý, thực hiện Chương trình thương hiệu quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại;

Căn cứ Thông tư số 40/2020/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại;

Căn cứ Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ Chương trình quốc gia về xúc tiến thương mại và Chương trình quốc gia về xây dựng, phát triển thương hiệu.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 17TTr-SCT ngày 27 tháng 01 năm 2026 và Công văn số 865/SCT-QLTM ngày 20 tháng 3 năm 2026.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Lắk,

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này; báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2026; Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế quản lý thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Lắk, bãi bỏ Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk bổ sung một số nội dung vào Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Phó CVP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh truyền hình Đắk Lắk;
- Trung tâm Công nghệ và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTĐT NN15b

(để b/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Mỹ

QUY CHẾ

Quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /2026/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là Chương trình); quy định nội dung xúc tiến thương mại được hỗ trợ, mức hỗ trợ và mức chi làm căn cứ để các tổ chức xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan quản lý, đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình, các đơn vị tham gia Chương trình, cơ quan cấp kinh phí hỗ trợ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình

1. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình (gọi tắt là đơn vị chủ trì) là các cơ quan, đơn vị có chức năng xúc tiến thương mại, đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có tư cách pháp nhân, có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện Chương trình.

b) Có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại.

c) Thực hiện Chương trình nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng doanh nghiệp; không vì mục tiêu lợi nhuận, được phép huy động các nguồn tài trợ, xã hội hóa hoặc các nguồn thu hợp pháp để bù đắp chi phí tổ chức, tái đầu tư cho hoạt động xúc tiến thương mại theo quy định của pháp luật.

d) Có kế hoạch xúc tiến thương mại đối với từng lĩnh vực cụ thể của ngành. 

2. Đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để triển khai thực hiện chương trình và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình

1. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình (gọi tắt là đơn vị tham gia) là đối tượng trực tiếp thực hiện các hạng mục thuộc nội dung Chương trình và được đơn vị chủ trì hỗ trợ kinh phí thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

2. Đơn vị tham gia, gồm:

- a) Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.
- b) Các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh cá thể, làng nghề truyền thống.
- c) Các cơ sở sản xuất được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Đơn vị tham gia được hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định tại Quy chế này và chịu trách nhiệm thực hiện có hiệu quả, đúng quy định các chương trình xúc tiến thương mại.

Điều 4. Cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình

1. Sở Công Thương là cơ quan được giao quản lý Chương trình xúc tiến thương mại địa phương, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các Chương trình, định hướng hoạt động xúc tiến thương mại theo chiến lược, đề án của ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Xem xét, phê duyệt các Chương trình xúc tiến thương mại địa phương hằng năm sử dụng nguồn ngân sách địa phương được giao theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

c) Tổ chức triển khai, giám sát, kiểm tra kế hoạch chi tiết từng Chương trình của ngành; Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại được phê duyệt.

d) Tổng hợp, đánh giá kết quả, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện Chương trình của ngành.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ:

a) Xây dựng, đề xuất các hoạt động xúc tiến thương mại thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương; bố trí kinh phí từ ngân sách được giao hoặc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật. 

b) Phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh.

c) Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại thuộc phạm vi quản lý; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện theo quy định.

Điều 5. Kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm.
- b) Đóng góp của các tổ chức, các đơn vị tham gia Chương trình.
- c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc:

- a) Kinh phí thực hiện Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của cơ quan, tổ chức được giao quản lý Chương trình.
- b) Hỗ trợ các đơn vị tham gia Chương trình thông qua đơn vị chủ trì.
- c) Đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm huy động các nguồn vốn kết hợp với phân ngân sách hỗ trợ để đảm bảo thực hiện Chương trình.

Chương II

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH, MỨC HỖ TRỢ, MỨC CHI

Điều 6. Công tác thông tin, tuyên truyền

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam qua các hoạt động truyền thông, trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, trên nền tảng số và các hình thức phổ biến thông tin khác.

2. Mức chi: Quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại và Chương trình cấp quốc gia về xây dựng, phát triển thương hiệu. ✓

Điều 7. Đào tạo, tập huấn về xúc tiến thương mại

1. Tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường.

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí biên soạn nội dung đào tạo, tập huấn; biên dịch, phiên dịch; in ấn tài liệu, văn phòng phẩm; giảng viên, báo cáo viên; thù lao, ăn, ở, đi lại; hội trường, thiết bị, trang trí, giải khát giữa giờ; tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì; công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, quảng bá, mời tham gia, bưu chính, điện thoại và các chi phí khác.

b) Mức chi: Quy định tại khoản 6, khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tham gia các lớp tập huấn về công tác, nghiệp vụ xúc tiến thương mại do các tổ chức xúc tiến thương mại thực hiện.

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% công tác phí tham gia tập huấn.

b) Mức chi: Quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC ngày 18/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 8. Tổ chức các hoạt động tư vấn, thuê chuyên gia tư vấn, hỗ trợ thực hiện thiết kế, phát triển sản phẩm

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí thù lao, ăn, ở, đi lại cho chuyên gia; biên dịch, phiên dịch; thuê hội trường, thiết bị, trang trí, chi phí khác.

2. Mức chi: Quy định tại khoản 8, khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 9. Hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn trong nước và nước ngoài cung cấp thông tin về sản phẩm, ngành hàng, thị trường; tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí tuyên truyền, quảng bá, mời các tổ chức, doanh nghiệp tham gia; hội trường, thiết bị, trang trí, biên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ; Thù lao, ăn, ở, đi lại của báo cáo viên; Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

2. Mức chi: Quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 10. Hoạt động điều tra, khảo sát, xây dựng cơ sở dữ liệu

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; ✓

nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm, nhu cầu tiêu dùng.

2. Mức chi: Mức chi theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 11. Hội chợ triển lãm trong và ngoài nước

1. Tổ chức hội chợ, triển lãm trong nước

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 50% chi phí thuê mặt bằng; thiết kế, trang trí tổng thể và dàn dựng gian hàng; tuyên truyền cổ động trực quan, tuyên truyền quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng; chi phí điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, vận chuyển, tổ chức khai mạc, bế mạc, giấy mời, trang trí, âm thanh, ánh sáng, lễ tân, đón tiếp, nước uống, tài liệu; tư vấn đấu thầu đối với đơn vị chủ trì. Hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng hội chợ, triển lãm đối với đơn vị tham gia.

b) Mức chi: Quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tham gia hội chợ, triển lãm trong nước

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, thiết kế trang trí gian hàng chung của tỉnh tham gia hội chợ, triển lãm; chi phí vận chuyển hàng hóa tham gia gian hàng chung của tỉnh, bảo vệ gian hàng chung; tư vấn đấu thầu; công tác phí cho cán bộ đoàn chủ trì, bao gồm cả cán bộ quản lý Chương trình đối với đơn vị chủ trì. Hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng riêng tại hội chợ, triển lãm đối với đơn vị tham gia.

b) Mức chi: Quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Tham gia hội chợ, triển lãm tại nước ngoài

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng chung của tỉnh tham gia hội chợ, triển lãm; thiết kế, trang trí gian hàng chung cho khu vực gian hàng chung của tỉnh; vận chuyển hàng hóa tham gia trưng bày triển lãm; chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm, bao gồm: Giấy mời, tiếp đón, thuê hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, người dẫn chương trình; tư vấn đấu thầu; công tác phí cho cán bộ đoàn chủ trì bao gồm cả cán bộ quản lý Chương trình đối với đơn vị chủ trì. Hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng và không quá 02 gian tiêu chuẩn cho mỗi lượt tham gia; vé máy bay quốc tế 01 chiều cho 01 người/đơn vị tham gia hoặc chi phí đi lại bằng đường bộ đối với các tỉnh có đường biên giới giáp với Việt Nam đối với đơn vị tham gia. *7*

b) Mức chi: Quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 12. Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí: Vận chuyển; thuê mặt bằng, dàn dựng gian hàng, điện, nước, an ninh, vệ sinh; tổ chức lễ khai mạc, bế mạc; chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu chương trình tổ chức bán hàng và hệ thống phân phối hàng hóa; tư vấn đầu thầu; các khoản chi khác.

2. Mức chi: Quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 13. Tổ chức đoàn giao dịch thương mại trong và ngoài nước, hoạt động xúc tiến thương mại tại chỗ

1. Tổ chức đoàn giao dịch thương mại trong nước: Tổ chức, tham gia hội nghị kết nối cung - cầu tiêu thụ sản phẩm, hội nghị kết nối giao thương, hội nghị quốc tế.

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí thuê hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ; tổ chức gian hàng, khu vực trưng bày giới thiệu sản phẩm; tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì gồm: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

b) Mức chi: Quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài.

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí: Tổ chức hội thảo giao thương; thuê hội trường, thiết bị, giấy mời, phiên dịch, tài liệu; tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch; công tác phí cho cán bộ đoàn chủ trì bao gồm cả cán bộ quản lý Chương trình đối với đơn vị chủ trì. Hỗ trợ 01 vé máy bay khứ hồi/đơn vị tham gia đối với đơn vị tham gia.

b) Mức chi: Quy định tại khoản 3, khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Đón đoàn đến giao dịch thương mại tại tỉnh

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí cho đơn vị chủ trì, gồm: Tiếp đón, công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình, tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch, văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính.

b) Mức chi: Quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 14. Tổ chức, tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại trên môi trường mạng

1. Xây dựng, duy trì và phát triển trang thông tin điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh nhằm phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu, sản phẩm, thông tin thị trường.

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí sau: Duy trì, quản trị trang thông tin điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh; thù lao, nhuận bút cung cấp tin, bài, hình ảnh.

b) Mức chi: Quy định tại khoản 5, khoản 9 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Hỗ trợ xây dựng khu vực trưng bày, giới thiệu hàng hóa trên sàn giao dịch thương mại điện tử

a) Nội dung thực hiện: Thuê tư vấn, hỗ trợ mở tài khoản trên sàn giao dịch thương mại điện tử; mở tài khoản, duy trì tư cách thành viên; thiết kế nhận diện chung gian hàng của các đơn vị tham gia; tuyên truyền, quảng bá, mời các đơn vị tham gia, giao dịch; xây dựng hình ảnh, video, số hóa các sản phẩm trưng bày của đơn vị tham gia; nâng hạng gian hàng và sử dụng dịch vụ gia tăng của sàn giao dịch thương mại điện tử; hướng dẫn, đào tạo kỹ năng tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử; Tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung sau: Duy trì tư cách thành viên cơ bản cho tài khoản của đơn vị tham gia tối đa 12 tháng; duy trì tư cách thành viên đặc biệt cho đơn vị chủ trì tối đa 12 tháng để khai thác thông tin khách hàng cung cấp cho đơn vị tham gia; thiết kế nhận diện chung gian hàng của các đơn vị tham gia; tuyên truyền, quảng bá, mời các đơn vị tham gia, giao dịch; tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì: thuê nhân công hỗ trợ kỹ thuật, xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tài khoản; thuê tư vấn đấu thầu (nếu có); bưu chính; điện thoại; văn phòng phẩm.

c) Mức chi: Quy định tại khoản 5, khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Tham gia gian hàng của các hội chợ, triển lãm trên môi trường mạng

a) Nội dung thực hiện: Tuyên truyền, quảng bá, tổ chức giới thiệu thông tin về gian hàng của tỉnh; mời các đơn vị tham gia, giao dịch; Thuê gian hàng trực tuyến; Thiết kế tổng thể và chi tiết khu gian hàng trực tuyến; Xây dựng hình

ảnh, video, số hóa các sản phẩm trưng bày của đơn vị tham gia; Tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung sau: Tuyên truyền, quảng bá, tổ chức giới thiệu thông tin về gian hàng của tỉnh; mời các đơn vị tham gia, giao dịch; Thuê gian hàng trực tuyến; Thiết kế tổng thể và chi tiết khu gian hàng trực tuyến; Xây dựng hình ảnh, video, số hóa các sản phẩm trưng bày của đơn vị tham gia; Tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì: Chi phí cho cán bộ tổ chức, thuê tư vấn đấu thầu (nếu có), bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

c) Mức chi: Quy định tại khoản 5, khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Tổ chức hội chợ, triển lãm trên môi trường mạng

a) Nội dung thực hiện: Tuyên truyền, quảng bá, tổ chức giới thiệu thông tin về hội chợ, triển lãm; mời đơn vị tham gia, giao dịch; Thuê nền tảng trực tuyến tổ chức hội chợ, triển lãm; Thiết kế tổng thể và chi tiết hội chợ, triển lãm; Xây dựng hình ảnh, video, số hóa các sản phẩm trưng bày của đơn vị tham gia; Tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung sau: Tuyên truyền, quảng bá, tổ chức giới thiệu thông tin về hội chợ, triển lãm; mời đơn vị tham gia, giao dịch; Thuê nền tảng trực tuyến tổ chức hội chợ, triển lãm; Thiết kế tổng thể và chi tiết hội chợ, triển lãm; Xây dựng hình ảnh, video, số hóa các sản phẩm trưng bày của đơn vị tham gia; Tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì: Chi phí cho cán bộ tổ chức, thuê tư vấn đấu thầu (nếu có), bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

c) Mức chi: Quy định tại khoản 5, khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. Tổ chức hội nghị, hội thảo ngành hàng xuất khẩu, giao thương trên môi trường mạng

a) Nội dung thực hiện: Tuyên truyền, quảng bá, tổ chức giới thiệu thông tin về hội nghị giao thương; mời đơn vị tham gia, giao dịch; Thuê nền tảng trực tuyến, đường truyền mạng; Thuê hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch (nếu có); Thuê báo cáo viên, thuyết trình viên; In ấn tài liệu, giải khát giữa giờ, văn phòng phẩm đối với hội nghị, giao thương kết hợp trực tiếp và trực tuyến; Tổ chức gian hàng, khu vực trưng bày giới thiệu sản phẩm đối với giao thương kết hợp trực tiếp và trực tuyến; Tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì. ✓

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung sau: Tuyên truyền, quảng bá, tổ chức giới thiệu thông tin về hội nghị, giao thương; mời đơn vị tham gia, giao dịch; Thuê nền tảng trực tuyến, đường truyền mạng; Thuê hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch (nếu có); In ấn tài liệu, giải khát giữa giờ, văn phòng phẩm đối với hội nghị, giao thương kết hợp trực tiếp và trực tuyến; Tổ chức gian hàng, khu vực trưng bày giới thiệu sản phẩm đối với giao thương kết hợp trực tiếp và trực tuyến; Tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì: Chi phí cho cán bộ tổ chức, thuê tư vấn đấu thầu (nếu có), bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

c) Mức chi: Quy định tại khoản 5, khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

6. Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn cung cấp thông tin về phát triển sản phẩm, ngành hàng, thị trường trên môi trường mạng

a) Nội dung thực hiện: Tuyên truyền, quảng bá, mời các đơn vị tham gia; Thuê nền tảng trực tuyến, đường truyền mạng; Thuê hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch; Thuê báo cáo viên, thuyết trình viên; Tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung sau: Tuyên truyền, quảng bá, mời các đơn vị tham gia; Thuê nền tảng trực tuyến, đường truyền mạng; Thuê hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch; Thuê báo cáo viên, thuyết trình viên: Thù lao, công tác phí; Tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì: Chi phí cho cán bộ tổ chức, thuê tư vấn đấu thầu (nếu có), bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

c) Mức chi: Quy định tại khoản 5, khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

7. Tổ chức đào tạo, tập huấn trên môi trường mạng

a) Nội dung thực hiện: Xây dựng kế hoạch, nội dung đào tạo; Thuê giảng viên, số hóa bài giảng; Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập (nếu có); Thuê nền tảng đào tạo trực tuyến; Khởi tạo và nhập liệu nội dung đào tạo; Kiểm thử chương trình đào tạo; Khởi tạo tài khoản giảng viên và học viên; Thuê, mua thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo, tập huấn; In ấn, phát hành giấy chứng nhận (nếu có); Tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung sau: Xây dựng kế hoạch, nội dung đào tạo; Thuê giảng viên, số hóa bài giảng; biên dịch, phiên dịch (nếu có); Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập (nếu có); Thuê nền tảng đào tạo trực tuyến; In ấn, phát hành giấy chứng nhận (nếu có); Tổ chức

quản lý của đơn vị chủ trì: Chi phí cho cán bộ tổ chức, thuê tư vấn đấu thầu (nếu có), bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

c) Mức chi: Quy định tại khoản 5, khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 15. Chương trình xây dựng, phát triển thương hiệu

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản phẩm đáp ứng hệ thống tiêu chí Thương hiệu quốc gia Việt Nam bao gồm các hoạt động: Nghiên cứu, đánh giá nhu cầu và khả năng áp dụng các tiêu chí Thương hiệu quốc gia Việt Nam tại các doanh nghiệp; Phổ biến, cung cấp thông tin; Tổ chức đào tạo, tập huấn, tư vấn doanh nghiệp phát triển sản phẩm.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu ở trong và ngoài nước bao gồm các hoạt động: Tư vấn doanh nghiệp xây dựng, phát triển thương hiệu; Tư vấn doanh nghiệp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước; Tổ chức sự kiện, hội thảo, hội nghị, đào tạo, tập huấn.

c) Các hoạt động thông tin, truyền thông cho Chương trình ở trong và ngoài nước bao gồm các hoạt động: Thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước xây dựng, quảng bá Thương hiệu quốc gia Việt Nam; Điều tra, nghiên cứu thị trường để định hướng cho các hoạt động thông tin, truyền thông; Truyền thông, quảng bá về Chương trình và các doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam tại các sự kiện ngoại giao, kinh tế, thương mại, xúc tiến thương mại - đầu tư - du lịch và trên các phương tiện truyền thông; Xây dựng và phát hành các sản phẩm thông tin; xây dựng và duy trì trang thông tin điện tử đa ngôn ngữ và các phần mềm ứng dụng cho Chương trình; Tổ chức hội thảo, hội nghị, diễn đàn để quảng bá Chương trình trong và ngoài nước; Tham gia Tuần lễ Thương hiệu quốc gia Việt Nam trong và ngoài nước; Tham gia Lễ Công bố các doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam.

2. Mức chi: Quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 16. Các hoạt động xúc tiến thương mại khác

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí cho đơn vị chủ trì thực hiện các hoạt động:

a) Trưng bày sản phẩm hàng hóa của tỉnh tại các phòng trưng bày sản phẩm hàng hóa ngoài tỉnh, ngoài nước. ✓

b) Hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh tham gia giới thiệu, trưng bày sản phẩm tại các tỉnh, thành phố trong nước: chi phí thuê mặt bằng, chi phí tiền điện, tiền nước.

2. Mức chi: Quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 17. Quy định về mức chi

Mức chi đối với các nội dung Chương trình được hỗ trợ theo quy định tại Quy chế này; trường hợp những nội dung và mức chi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định thì thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đối với nội dung và mức chi chưa được quy định tại Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh, áp dụng mức chi theo nguyên tắc không vượt quá quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức quản lý Chương trình

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chương trình, bảo đảm Chương trình được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật.

2. Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp việc thực hiện Chương trình; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những nội dung ngoài quy định của Quy chế này hoặc vượt thẩm quyền.

Điều 19. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì

1. Tổ chức thực hiện Chương trình được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng quy định hiện hành. Hằng năm, trước ngày 30/6, đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch dự toán chương trình xúc tiến thương mại năm tiếp theo trình cơ quan, tổ chức quản lý Chương trình để tổng hợp.

2. Có trách nhiệm lựa chọn đơn vị tham gia phù hợp với nội dung Chương trình.

3. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định tại Quy chế này. 

ĐẮK LẮK

4. Khi thực hiện xong mỗi Chương trình, đơn vị chủ trì phải gửi báo cáo kết quả tình hình thực hiện về cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp trong thời gian 15 ngày kể từ ngày kết thúc Chương trình.

Điều 20. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan

1. Hàng năm, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị về kinh phí thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại; căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành để các đơn vị triển khai thực hiện theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh.

3. Trách nhiệm của đơn vị tham gia: Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi thực hiện Chương trình, đơn vị tham gia Chương trình có trách nhiệm báo cáo kết quả tham gia thực hiện với đơn vị chủ trì.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Công Thương để nghiên cứu, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp. /*W*